**CHỦ ĐỀ: VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI CÁC VÙNG KINH TẾ VÀ LÃNH THỔ**

**(Thời gian: tháng 01, 2,3,4)**

**I.VẤN ĐỀ KHAI THÁC THẾ MẠNH Ở TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ:**

**1-Khái quát chung: (Atlat 26 )**

-Gồm 15 tỉnh:**(Atlat 26 )**

**-Vị trí địa lí**:

việc phát triển mạng lưới giao thông vận tải giúp cho việc thông thương trao đổi hàng hóa với vùng đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ và phát triển nền kinh tế mở.

**2-Khai thác chế biến khoáng sản và thủy điện:**

 **a-Khai thác chế biến khóang sản:**

* **Thuận lợi:**

 -Giàu tài nguyên khoáng sản nhất nước.

 -Đa dạng, nhiều loại: than, sắt, thiếc, chì-kẽm, đồng, apatit, pyrit, đá vôi và sét làm xi măng….

* **Khó khăn**:

 -Cần phương tiện hiện đại khai thác, chi phí cao.

 -Đa số các mỏ nằm ở nơi kết cấu hạ tầng, giao thông vận tải chưa phát triển

* **Khai thác và phân bố khoáng sản**: ( phần này có thể sử dung Atlat trang 22, 26 bản đồ kinh tế để đọc sự phân bố )

**b-Khai thác thủy điện:**

 -Trữ năng thủy điện lớn, hệ thống sông Hồng (11 triệu kw) chiếm hơn 1/3 trữ năng thủy điện cả nước (riêng sông Đà chiếm gần 6 triệu kw)

 -Đã xây dựng các nhà máy thủy điện: Atlat trang 22

 -Đang xây dựng các nhà máy thủy điện: Atlat trang 22

 Việc phát triển thủy điện tạo động lực mới cho phát triển của vùng, khai thác chế biến khoáng sản trên cơ sở nguồn điện rẻ, dồi dào nhưng cần chú ý đến thay đổi của môi trường

**3-Trồng và chế biến cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới**:

**a-Điều kiện phát triển:**

* **Thuận lợi:**

 -Điều kiện tự nhiên:

 +Nhiều loại đất,phần lớn diện tích là đất feralit trên đá phiến, đá vôi và đá mẹ khác,còn có đất phù sa cổ (ở Trung du), đất phù sa dọc các thung lũng sông và các cánh đồng ở miền núi như Than Uyên, Nghĩa Lộ, Điện Biên, Trùng Khánh

 +Khí hậu:nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc (mạnh nhất ở khu Đông Bắc) và địa hình vùng núi thuận lợi phát triển các cây công nghiêp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới

 -Dân cư có nhiều kinh nghiệm trồng cây công nghiệp lâu năm, chăn nuôi gia súc lớn và lâm nghiệp.

* **Khó khăn:**

 -Rét đậm, rét hại, sương muối và thiếu nước về mùa đông.

 -Mạng lưới các cơ sở công nghiệp chế biến nông sản chưa tương xứng với thế mạnh của vùng.

 -Du canh, du cư còn phổ biến.

**b-Trồng và chế biến cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt đới và ôn đới: ( Atlat 26 )**

 -Cây công nghiệp:Vùng chè lớn nhất nước, (chiếm 62% diện tích chè cả nước ) với các loại chè nổi tiếng ở các địa phương (đọc Atlat trang 26 bản đồ kinh tế)

 -Cây dược liệu, cây ăn quả được trồng ở vùng núi giáp biên giới Cao Bằng, Lạng Sơn và vùng núi cao Hoàng Liên Sơn

 -Trồng rau ôn đới, sản xuất hạt giống rau quanh năm và trồng hoa xuất khẩu ở Sa Pa.

 -Khả năng mở rộng diện tích và nâng cao năng suất cây công nghiêp, cây đặc sản, cây ăn quả còn lớn

**4-Chăn nuôi gia súc:**

**a. Điều kiện phát triển:**

* Thuận lợi

 -Trên các cao nguyên ở độ cao 600-700 m có nhiều đồng cỏ thuận lợi phát triển chăn nuôi trâu, bò, ngựa,dê.

 -Khí hậu thích hợp với việc chăn nuôi các gia súc lớn như trâu, bò, ngựa…

* Khó khăn:

 -Vận chuyển các sản phẩm chăn nuôi tới vùng tiêu thụ ở đồng bằng và đô thị

 - Cải tạo đồng cỏ để nâng cao năng suất

**b. Hiện trạng phát triển: (Atlat 26 )**

 -Bò sữa: tập trung ở cao nguyên Mộc Châu (Sơn La)

 -Trâu và bò thịt được nuôi rộng rãi:

 +Trâu khỏe, ưa ẩm, chịu rét giỏi, thích nghi với chăn thả trong rừng,đàn trâu 1,7 triệu con, chiếm hơn ½ đàn trâu cả nước

 +Đàn bò có 900 nghìn con, chiếm 16% đàn bò cả nước.

 +Đàn lợn có 5,8 triệu con chiếm 21% đàn lợn cả nước nhờ giải quyết tốt lương thực cho người và hoa màu lương thực cho chăn nuôi.

**5-Kinh tế biển: ( Atlat 8, 20, 23, 25 )**

-Vùng biển Quảng Ninh giàu tiềm năng,đang phát triển năng động cùng với sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc

-Phát triển mạnh đánh bắt hải sản, nhất là đánh bắt hải sản xa bờ và nuôi trồng thủy sản

-Du lịch biển- đảo với quần thể du lịch Hạ Long

-Giao thông vận tải biển: cảng nước sâu Cái Lân được xây dựng và nâng cấp,hình thành khu công nghiệp Cái Lân.

**II. VẤN ĐỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ THEO NGÀNH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

- Gồm các địa phương (đọc Atlat trang 4-5):

- Vị trí địa lý: ( 26 )

**1-Các thế mạnh chủ yếu của vùng: (Atlat 9,10, 11, 20, 23, 25, 26, 30 )**

**-Vị trí địa lí**:Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phí Bắc,giáp các vùng giàu nguyên liệu, năng lượng trong nước và vịnh Bắc Bộ

-**Tự nhiên:**

 +Đất: đất nông nghiệp chiếm 51,2% diện tích đồng bằng, trong đó 70% là đất phù sa màu mỡ

 +Nước: phong phú,nước trên mặt,nước dưới đất, nước nóng, nước khoáng.

 +Biển:giàu nguồn lợi thủy hải sản,phát triển các ngành kinh tế biển như du lịch, cảng…

 +Khoáng sản: đá vôi,sét, cao lanh,than nâu, khí tự nhiên.

- **Kinh tế-xã hội:**

 +Dân cư- lao động: nguồn lao động dồi dào, có kinh nghiệm và trình độ sản xuất

 +Cơ sở hạ tầng: mạng lưới giao thông, điện nước

 + Cơ sở vật chất kĩ thuật: tương đối tốt, phục vụ sản xuất, đời sống

 +Các thế mạnh khác: thị trường tiêu thụ rộng lớn,lịch sử khai thác lãnh thổ từ lâu đời, chính sách nhà nước.

**2-Các hạn chế chủ yếu:**

**-Xã hội**:

 +Số dân đông nhất, mật độ dân số cao nhất nước lên đến 1225 người/km2, gấp khoảng 4,8 lần mật độ trung bình cả nước (năm 2006)

 +Số dân đông,kết cấu dân số trẻ, có nguồn lao động dồi dào nhưng nền kinh tế còn chậm phát triển, việc làm nhất là ở thành thị là vấn đề nan giải.

**-Tự nhiên:**

 +Khí hậu nhiệt đới gió mùa hay bị thiên tai như bão,lũ lụt, hạn hán….

 +Tài nguyên thiên nhiên không thật phong phú nhưng sử dụng chưa hợp lí,do việc khai thác quá mức nên số loại tài nguyên như đất, nước trên mặt ... bị xuống cấp

 +Thiếu nguyên liệu cho việc phát triển công nghiệp,phần lớn nguyên liệu phải đưa từ vùng khác đến

**-Kinh tế:** Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tếcòn chậm,chưa phát huy hết thế mạnh của vùng

**3-Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành và các định hướng chính:**

 **a-Thực trạng**:

Do kết quả công cuộc đổi mới của Nhà Nước, cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, nhưng sự chuyển dịch còn chậm:

 -Năm 1986 tỉ trọng khu vực nông-lâm-ngư nghiệp cao nhât chiếm 49,5%,có xu hướng giảm tỉ trọng chỉ còn 25,1% (năm 2005)

 -Tỉ trọng khu vực công nghiệp- xây dựng có xu hướng tăng chậm từ 21,5% (năm 1986) lên 29,9% (2005)

 -Tỉ trọng khu vực dịch vụ tăng nhanh từ 29,0% ( năm1986), đến năm 2005 có tỉ trọng cao nhất chíêm 45%

 **b-Các định hướng chính:**

-Chuyển dịch cơ cấu kinh tế có vai trò quan trọng tiếp tục:

 +Giảm tỉ trọng khu vực I (nông-lâm-ngư nghiệp)

 +Tăng nhanh tỉ trọng của khu vực II (công nghiệp- xây dựng) và khu vực III (dịch vụ)

Trên cơ sở đảm bảo tăng trưởng kinh tế với tốc độ nhanh, hiệu quả cao gắn với việc giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường

-Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nội bộ từng ngành có sự khác nhau nhưng trọng tâm là phát triển và hiện đại hóa công nghiệp chế biến, các ngành công nghiệp khác và dịch vụ gắn với yêu cầu phát triển nông nghiệp hàng hóa.

 +Khu vực I: giảm tỉ trọng ngành trồng trọt, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi và thủy sản.Trong ngành trồng trọt, gỉam tỉ trọng cây lương thực và tăng tỉ trọng cây công nghiệp, cây thực phẩm, cây ăn quả…

 +Khu vực II: quá trình chuyển dịch gắn với việc hình thành các ngành công nghiệp trọng điểm để sử dụng hiệu quả các thế mạnh về tự nhiên và con người của vùng.Đó là các ngành chế biến lương thực- thực phẩm, dệt may-da giày, sản xuất vật liệu xây dựng , cơ khí-kĩ thuật điện-điện tử.

 +Khu vực III: tăng cường phát triển du lịch,bảo hiểm,tài chính, ngân hàng giáo dục đào tạo…nhằm đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch kinh tế

**III. VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI Ở BẮC TRUNG BỘ:**

**1-Khái quát chung: ( Atlat 27 )**

-Bắc Trung Bộ gồm các địa phương:

**-Vị trí địa lí**:………………=> Thuận lợi giao lưu với các vùng trong và ngoài nước, mở lối ra biển cho Lào.

**2-Hình thành cơ cấu nông- lâm- ngư nghiệp**:

**a-Khai thác thế mạnh về lâm nghiệp:**

**-Hiện trạng**:

 +Diện tích rừng: 2,46 triệu ha chiếm 20% diện tích rừng cả nước.Độ che phủ rừng 47,8% (2006), đứng thứ 2 sau Tây Nguyên

 +Rừng có nhiều gỗ quý, lâm sản, chim thú có giá trị.

 +Rừng giàu chỉ còn ở vùng giáp biên giới Việt-Lào, nhiều nhất ở Nghệ An, Thanh Hóa,Quảng Bình

 +Rừng sản xuất chiếm 34% diện tích, rừng phòng hộ 50% diện tích,rừng đặc dụng 16%

**-Biện pháp:**

 +Khai thác kết hợp với tu bổ và bảo vệ rừng, phát triển cơ sở chế biến lâm sản.

 +Bảo vệ và phát triển vốn rừng giúp bảo vệ môi trường sống của động vật hoang dã, giữ gìn nguồn gen của các loài động thực vật quý hiếm,điều hòa nguồn nước, hạn chế lũ trên sông ngắn dốc. Trồng rừng ven biển có tác dụng chắn gió bão, ngăn chặn cát bay, cát chảy, bảo vệ bờ biển.

 **b-Khai thác tổng hợp thế mạnh về nông nghiệp của trung du, đồng bằng và ven biển: ( Atlat 27 )**

* **Vùng đồi trước núi:**

 - Chăn nuôi đại gia súc:

 + Đàn trâu 750 nghìn con chiếm ¼ đàn trâu cả nước.

 + Đàn bò 1,1 triệu con chiếm 1/5 đàn bò cả nước

 - Hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở vùng đất đỏ badan (cà phê ở Tây Nghệ An, Quảng Trị,chè ở Tây Nghệ An;cao su, hồ tiêu ở Quảng Bình, Quảng Trị)

* **Đồng bằng duyên hải**:

- Phần lớn là đất cát pha thuận lợi trồng cây công nghiệp hàng năm (lạc, mía, thuốc lá…)

- Hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp hàng năm và các vùng lúa thâm canh.

- Bình quân lương thực theo đầu người đạt 348 kg/người (năm 2005)

**c-Đẩy mạnh phát triển ngư nghiệp: ( Atlat 20 )**

-Không có bãi cá lớn nhưng các tỉnh Bắc Trung Bộ có khả năng phát triển nghề cá biển, Nghệ an là tỉnh trọng điểm nghề cá

-Phần lớn tàu thuyền có công suất nhỏ, chỉ đánh bắt ven bờ nên nhiều nơi nguồn lợi thủy sản có nguy cơ suy giảm

-Hiện nay, việc nuôi thủy sản nước lợ, nước mặn phát triển khá mạnh làm thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn ven biển.

**3- Hình thành cơ cấu công nghiệp và phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải**

**a-Phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm và các trung tâm công nghiệp chuyên môn hóa:**

* Thuận lợi:

-Nguồn nguyên liệu phát triển công nghiệp: khoáng sản có trữ lượng lớn,nguyên liệu nông-lâm-thủy sản

-Nguồn lao động dồi dào, giá rẻ.

* Khó Khăn:

-Hạn chế về kĩ thuật và vốn nên cơ cấu công nghiệp chưa thật định hình và 1 số tài nguyên khoáng sản còn ở dạng tiềm năng.

* Phương hướng:

-Do hạn chế về nguồn nhiên liệu nên việc giải quyết nhu cầu điện dựa vào:( Atlat 22 đọc đường dây tải điện và nhà máy thủy điện)

+Lưới điện quốc gia

+Xây dựng một số nhà máy thủy điện

* Hiện trạng công nghiệp:( Atlat 27 )

-Trung tâm công nghiệp :Thanh Hóa-Bỉm Sơn,Vinh, Huế.(Huế nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung có lợi thế phát triển)

-Trong vùng có nhà máy xi măng Bỉm Sơn, Nghi Sơn ( Thanh Hóa), Hoàng mai ( Nghệ An), nhà máy thép liên hợp Hà Tĩnh

**b-Xây dựng cơ sở hạ tầng trước hết là giao thông vận tải:**

Do lãnh thổ hẹp kéo dài, cơ sở hạ tầng trong vùng còn nghèo, bị tàn phá trong chiến tranh và thiên tai nên việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải sẽ tạo ra những thay đổi lớn trong sự phát triển kinh tế-xã hội của vùng:

-Đường giao thông hướng Bắc-Nam:

 +Đường sắt Thống Nhất

 +Nâng cấp, hiện đại hóa quốc lộ 1 (làm đướng hầm ô tô qua Hoành Sơn, Hải Vân) nâng cao vị trí “cầu nối”giữa khu vực phía Bắc và khu vực phía Nam, đồng thời tạo sức hút lớn cho các luồng vận tải theo quốc lộ 9 tới cảng Đà Nẵng.

 +Đường Hồ Chí Minh khi hoàn thành thúc đẩy sự phát triển kinh tế các huyện phía Tây, phân bố lại dân cư, hình thành mạng lưới đô thị mới

-Phát triển đường giao thông hướng Đông-Tây: quốc lộ 7,8,9, xây dựng hàng loạt các cửa khẩu, tăng cường giao thương với các nước láng giềng, trong đó Lao Bảo là cửa khẩu quốc tế quan trọng

-Cảng nước sâu được đầu tư xây dựng và hoàn thiện: Nghi Sơn, Vũng Áng, Chân Mây, gắn liền với hình thành các khu kinh tế cảng biển

-Sân bay:Phú Bài (Huế), Vinh (Nghệ An), đồng Hới (Quảng Bình) được nâng cấp giúp phát triển kinh tế - văn hóa và thu hút khách du lịch

**III.VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ:**

**1-Khái quát chung: ( Atlat 28 )**

-Gồm các địa phương:

**-Vị trí địa lí**: …..=>Là cửa ngõ ra biển của Tây Nguyên,cầu nối giữa vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc và phía Nam, phát triển các ngành kinh tế biển, thuận lợi giao lưu trao đổi hàng hóa với các nước.

**2-Phát triển tổng hợp kinh tế biển:**

**a-Nghề cá: ( Atlat 20 )**

-Biển:

 +Có nhiều tôm, cá và các hải sản khác. Tỉnh nào cũng có bãi tôm, bãi cá, nhưng lớn nhất là các tỉnh cực Nam Trung bộ và ngư trường Hoàng Sa, Trường Sa

 +Sản lượng thủy sản: 624 nghìn tấn (2005) riêng sản lượng cá biển 420 nghìn tấn

-Bờ biển có nhiều vụng, đầm phá thuận lợi nuôi trồng thủy sản.

-Hoạt động chế biến hải sản đa dạng, phong phú

-Ngành thủy sản giải quyết vấn đề thực phẩm của vùng và tạo sản phẩm hàng hóa, cần khai thác hợp lí và bảo vệ nguồn lợi thủy sản

**b-Du lịch biển: ( Atlát 25 )**

-Nhiều bãi biển nổi tiếng: (kể tên)

-Trung tâm du lịch quốc gia và vùng (kể tên)

-Phát triển du lịch biển-đảo, du lịch nghỉ dưỡng, thể thao.

**c-Dịch vụ hàng hải: ( Atlat 23 )**

-Bờ biển thuận lợi xây dựng cảng nước sâu

-Cảng tổng hợp:…………………………………………………………………………….

-Cảng nước sâu: ……………………………………………………………………………

-Cảng trung chuyển quốc tế lớn nhất nước:…………………………………………………

**d-Khai thác khoáng sản ở thềm lục địa và sản xuất muối: (Atlat 28 )**

- Dầu khí có ở thềm lục địa phía đông đảo Phú Quý (Bình Thuận)

-Sản xuất muối có nhiều thuận lợi (nhiệt độ cao,nhiều nắng, ít cửa sông đổ ra biển),vùng sản xuất muối nổi tiếng Cà Ná ,Sa Huỳnh.

- Ti tan:………………………………………………………………………….

-Cát thủy tinh:…………………………………………………………………………………

**3-Phát triển công nghiệp và cơ sở hạ tầng:**

**a-Phát triển công nghiệp:**

* Thuận lợi:

 +Khoáng sản: Vật liệu xây dựng, cát làm thủy tinh ở Khánh Hòa, vàng Bồng Miêu (Quảng Nam),ti tan ở nhiều nơi,dầu khí ở thềm lục địa cực Nam Trung bộ.

 +Nguyên liệu nông-lâm-thủy sản

* Hạn chế về tài nguyên nhiên liệu, năng lượng. Cơ sở năng lượng chưa đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp và kinh tế vùng. Việc giải quyết năng lượng trên cơ sở: (Atlat 22)

 +Sử dụng điện lưới quốc gia qua đường dây 500 KV.

 +Xây dựng các nhà máy thủy điện quy mô trung bình như:

 +Năng lượng mới:

\* Hiện trạng pháttriển và phân bố công nghiệp: ( Atlat 28 )

-Các trung tâm công nghiệp:

-Các ngành công nghiệp:

-Hình thành vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, xây dựng khu kinh tế mở Chu Lai, khu kinh tế Dung Quất và khu kinh tế Nhơn Hội thu hút đầu tư nước ngoài, công nghiệp của vùng đang khởi sắc ( khu kinh tế ven biển Atlat 28 )

**b-Phát triển cơ sở hạ tầng:( Atlat 23 )**

-Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải tạo ra thế mở cửa hơn nữa cho vùng và phân công lao động mới.

-Nâng cấp đường quốc lộ1 và đường sắt Bắc nam làm tăng vai trò trung chuyển của Duyên Hải miền Trung và giúp đẩy mạnh sự giao lưu giữa các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ với TP Đà Nẵng và với TP Hồ Chí Minh nói riêng, Đông Nam Bộ nói chung

-Phát triển đường giao thông hướng Đông- Tây (quốc lộ 19,25,26,27)nối Tây Nguyên với cảng nước sâu và mở rộng các vùng hậu phương của các cảng

-Duyên hải Nam Trung Bộ có vai trò quan trọng trong quan hệ với các tỉnh Tây Nguyên, khu vực Nam Lào và Đông bắc Thái Lan

-Khôi phục và hiện đại hóa các sân bay: gồm sân bay quốc tế Đà Nẵng và các sân bay nội địa như Chu Lai, Quy Nhơn, Cam Ranh, Tuy Hòa

-Nâng cấp các cảng hiện có:Đà Nẵng, Quy Nhơn, Cam Ranh, cảng nước sâu Dung Quất Vân Phong tạo điều kiện đẩy mạnh giao lưu quốc tế, thu hút đầu tư, hình thành các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế ven biển.

**V. VẤN ĐỀ KHAI THÁC THẾ MẠNH Ở TÂY NGUYÊN:**

**1-Khái quát chung: ( Atlat 28 )**

-Gồm các tỉnh

**-Vị trí địa lí:**

 +Là vùng duy nhất của nước ta không giáp biển.

 +Giáp với ……………….. ( con đường ra biển của Tây Nguyên) có tiềm năng lớn

 +Giáp ………………… vùng có nền kinh tế phát triển nhất nước.

 +Phía Tây giáp …………………… có vị trí quan trọng về quốc phòng và xây dựng kinh tế.

**2- Phát triển cây công nghiệp lâu năm:**

 **a- Điều kiện phát triển:**

* Tự nhiên:

 - Đất : các cao nguyên đất đỏ badan, có tầng phong hóa sâu, giàu chất dinh dưỡng , phân bố tập trung trên mặt bằng rộng thuận lợi thành lập nông trường và vùng chuyên canh với quy mô lớn.

 - Khí hậu: cận xích đạo với hai mùa : mưa và khô, mùa khô kéo dài 4-5 tháng:

 + Mùa khô kéo dài thuận lợi phơi sấy, bảo quản nông phẩm.

 + Mùa khô mực nước ngầm hạ thấp, làm thủy lợi khó khăn tốn kém, gây trở ngại cho sản xuất.

 + Khí hậu còn có sự phân hóa theo độ cao :

* Các cao nguyên cao 400-500m, khí hậu khô nóng thích hợp trồng cây công nghiệp nhiệt đới( cà phê , cao su, hồ tiêu, điều )
* Các cao nguyêncao trên 1000m, khí hậu mát mẻ , thích hợp trồng cây công nghiệp cận nhiệt đới ( chè )
* Kinh tế- xã hội:

 - Người lao động có truyền thống và kinh nghiệm trổng cây công ngiệp lâu năm.

 - Được sự quan tâm của nhà nước, cơ sở vật chất đang d8ược đầu tư nâng cấp

 - Thị trường tiêu thụ rộng lớn.

**b-Thực trạng sản xuất và phân bố: ( Atlat 28 )**

* **Cà phê**: quan trọng nhất

- Diện tích: 450 nghìn ha (năm 2006), chiếm 4/5 diên tích cả nước, Đăk Lăk có diện tích cà phê lớn nhất (259 nghìn ha)-Gồm:

 +Cà phê chè: trồng trên các cao nguyên cao, khí hậu mát mẻ ở

 +Cà phê vối: trồng ở vùng khí hậu nóng hơn ở:

* **Chè**:

trồng trên các cao nguyên cao, khí hậu mát mẻ (Lâm Đồng có diện tích trồng chè lớn nhất nước)

* **Cao su**:

diện tích lớn thứ hai sau Đông Nam Bộ, trồng ở:

**c-Ý nghĩa của việc phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm**:

**-Xã hội:**Thu hút lao động từ những vùng khác đến tạo tập quán sản xuất mới cho đồng bào dân tộc, hạn chế nạn du canh du cư, giải quyết việc làm, cải thiện đời sống

-**Kinh tế:**bên cạnh nông trường ,việc phát triển rộng rãi mô hình kinh tế vườn góp phần tăng sản lượng nông phẩm phuc vụ nhu cầu trong nước và tạo hàng xuất khẩu thu ngoại tệ.

-**Môi trường**:Trồng cây công nghiệp lâu năm thực chất là trồng rừng giúp điều hòa khí hậu, nguồn nước, hạn chế xói mòn đất.

**d-Biện pháp:**

-Quy hoạch các vùng chuyên canh cây công nghiệp kêt hợp bảo vệ rừng và phát triển thủy lợi.

-Đa dạng hóa cơ cấu cây công nghiệp

-Đẩy mạnh công nghiêp chế biến và xuất khẩu

-Nâng cấp mạng lưới đường giao thông (đường 19,25,26,27…), thông tin liên lạc

-Bảo đảm lương thực thực phẩm trong vùng.

**3-Khai thác và chế biến lâm sản:**

* Vai trò:

-Tài nguyên rừng lớn nhât nước, rừng chiếm 36% diện tích đất có rừng và 52% sản lượng gỗ có thể khai thác cả nước, độ che phủ rừng 60% diện tích lãnh thổ

-Rừng có nhiều gỗ quý, nhiều chim, thú quý

-Rừng Tây Nguyên có vai trò giữ cân bằng sinh thái , bảo vệ nguồn nước ngầm, chống xói mòn đất, điều hòa khí hậu

* Hiện trạng:

-Tài nguyên rừng đang bị suy giảm, sản lượng khai thác giảm chỉ còn 200-300 nghìn m3/năm

* Hậu quả của nạn phá rừng:

 -Giảm sút nhanh lớp phủ rừng. giảm sút trữ lượng các loại gỗ quý,đe dọa môi trường sống của các loài động vật quý hiếm

 -Làm hạ thấp mực nước ngầm về mùa khô; lũ và rửa trôi,xói mòn đất vào mùa mưa.

* Biện pháp:

 -Ngăn chận nạn phá rừng

 -Khai thác hợp lí đi đôi với khoanh nuôi và trồng rừng mới

 -Đẩy mạnh công tác giao đất, giao rừng

 -Hạn chế khi thác và xuất khẩu gỗ tròn

 -Đẩy mạnh công nghiệp chế biến gỗ tại chỗ

**4-Khai thác thủy năng kết hợp thủy lợi:**

**a. Tiềm năng:**

- Tài nguyên nước của hệ thống sông Xê Xan, Xrê Pok, Đồng Nai… đang được sử dụng hiệu quả

-Các nhà máy thủy điện đã được xây dựng trước đây: ( Atlat trang 10,22 )

 +Đa Nhim(160 MW) trên sông Đa Nhim thượng nguồn sông Đồng Nai

 +Đrây H’linh (12 MW) trên sông Xrê Pok

-Từ thập 90 của thế kỉ XX đến nay,nhiều công trình thủy điện lớn đã và đang được xây dựng,hình thành các bậc thang thủy điện:

 **+Trên sông Xê Xan**: tổng công suất khoảng 1500MW

* Đã xây dựng thủy điện :……………………………………….
* Đang xây dựng: ………………………………………………

 **+Trên sông Xrê Pok**:

* Đã xây dựng:………………………………………………….
* Đang xây dựng:……………………………………………….

 **+Trên sông Đồng Nai**:

* Đã xây dựng:…………………………………………………
* Đang xây dựng:……………………………………………….

**b. Ý nghĩa:**

 + Việc xây dựng các công trình thủy điện tạo điều kiện phát triển công nghiệp của vùng, trong đó khai thác chế biến bột nhôm từ quặng bô xit

 +Các hồ thủy điện cung cấp nước tưới vào mùa khô, phát triển du lịch và nuôi thủy sản.

**VI. VẤN ĐỀ KHAI THÁC LÃNH THỔ THEO CHIỀU SÂU Ở ĐÔNG NAM BỘ:**

**1- Khái quát: ( Atlat 29 )**

-Đông Nam Bộ gồm các địa phương:

**-Vị trí địa lí:**

 +Giáp với ……………………… (vùng lương thực, thực phẩm lớn nhất cả nước); giáp Tây Nguyên (vùng nguyên liệu cây công nghiệp và lâm sản); giáp ……………….. (vùng nguyên liệu thủy sản và cây công nghiệp)

 +Phía Tây và Tây Bắc giáp ……….có cửa khẩu quốc tế, đường xuyên Á; phía đông giáp ………. với các cảng Sài Gòn, Vũng Tàu, Thị Vải

* Vị trí địa lý của Đông Nam Bộ thuận lợi cho việc phát triển kinh tế mở ,nhờ mạng lưới giao thông vận tải ngày càng hiện đại, cho phép mở rộng giao lưu trong và ngoài nước, mở rộng vùng cung cấp nguyên liệu, năng lượng cũng như vùng tiêu thụ sản phẩm

**2-Khai thác lãnh thổ theo chiều sâu:**

**-Khái niệm:** khai thác lãnh thổ theo chiều sâu là nâng cao hiệu quả khai thác lãnh thổ trên cơ sở đẩy mạnh đầu tư vốn, khoa học công nghệ, nhằm khai thác tốt nhất các nguồn lực tự nhiên và kinh tế-xã hội, đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, giải quyết tốt các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường.

 **a-Trong công nghiệp: ( Atlat 22, 29 )**

-Công nghệp chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu công nghiệp cả nước với các ngành công nghệ cao như:

-Việc phát triển công nghiệp có nhu cầu rất lớn về năng lượng,cơ sở năng lượng của vùng được giải quyết từ các nguồn điện và mạng lưới điện:

 +Xây dựng các nhà máy thủy điện:

 +Xây dựng các nhà máy điện tua bin khí Phú Mỹ I,II,III,IV (tổng công suất thiết kế 4000MW), Bà Rịa, Thủ Đức.

 +Xây dựng môt số nhà máy nhiệt điện chạy bằng dầu phục vụ các khu chế xuất

 +Đường dây siêu cao áp 500 KV Hòa Bình- Phú Lâm

 +Các trạm biến áp 500 KV và 1 số mạch 500 KV được tiếp tục xây dựng như tuyến Phú Mỹ- Nhà Bè, Nhà Bè-Phú Lâm,các công trình 220 KV, các công trình trung và hạ thế xây dựng theo quy hoach.

-Phát triển công nghiệp và mở rộng quan hệ hợp tác đầu tư với nước ngoài nên cần quan tâm bảo vệ môi trường tránh làm tổn hại đến tiềm năng du lịch

**b-Trong khu vực dịch vụ:**

-Các ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu kinh tế của vùng,đứng đầu cả nước về tăng trưởng nhanh và phát triển hiệu quả

-Hoàn thiện cơ sở hạ tầng

-Phát triển đa dạng các hoạt động dịch vụ: thương mại, ngân hàng, tín dụng, thông tin,hàng hải, du lịch

 **c-Trong nông, lâm nghiệp:**

-Thủy lợi có ý nghĩa hàng đầu:

 +Đã xây dựng công trình thủy lợi Dầu Tiếng trên thượng lưu sông Sài Gòn lớn nhất nước

 +Dự án thủy lợi Phước Hòa (Bình Dương-Bình Phước) sẽ giúp chia nước của sông Bé cho sông Sài Gòn, cung cấp nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất

 +Nhờ giải quyết nước tưới cho các vùng khô hạn về mùa khô và tiêu nước cho các vùng thấp dọc sông Đồng Nai và sông La Ngà làm tăng diện tích đất trồng trọt, tăng hệ số sử dụng đất trồng hằng năm và khả năng bảo đảm lương thực thực phẩm của vùng.

-Thay đổi cơ cấu cây trồng:

 +Đưa các giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất như thay giống cao su cũ bằng các giống cao su cho năng suất cao và ứng dụng công nghệ trồng mới.

 +Mở rộng diện tích các cây cà phê,hồ tiêu, điều.

 + Các cây công nghiệp ngắn ngày chiếm vị trí hàng đầu là mía và đậu tương.

-Bảo vệ, quản lí tốt vốn rừng: rừng đầu nguồn, rừng ngập mặn,các vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển để bảo vệ nước ở các hồ chứa, giữ mạch nước ngầm.

 **d-Trong tổng hợp kinh tế biển:**

-Khai thác tài nguyên sinh vật biển: phát triển ngành đánh bắt, nuôi trồng thủy sản và công nghiệp chế biến.

-Khai thác khoáng sản vùng thềm lục địa: dầu khí

 +Đẩy mạnh thăm dò, khai thác dầu khí với quy mô ngày càng và hợp tác đầu tư với nhiều nước tác động mạnh đến sự phát triển của vùng nhất là tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

 +Việc phát triển công nghiêp lọc dầu, hóa dầu, các ngành dịch vụ khai thác dầu khí thúc đẩy sự thay đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế và sự phân hóa lãnh thổ của vùng

 +Cần chú ý giải quyết ô nhiễm môi trường trong quá trình khai thác, vận chuyển và chế biến dầu.

-Du lịch biển:Vũng Tàu, Long Hải, Phước Hải …, nước khoáng Bình Châu, khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ.

-Giao thông vận tải biển: cảng Sài Gòn, Vũng Tàu, Thị Vải, phát triển giao thông,d ịch vụ hàng hải, cơ khí sửa chữa và đóng tàu, mở rộng giao lưu trong nước và quốc tế.

**VII. VẤN ĐỀ SỬ DỤNG HỢP LÍ VÀ CẢI TẠO TỰ NHIÊN Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:**

**1- Khái quát: ( Atlát 29 )**

-Đồng bằng sông Cửu Long gồm các địa phương: (đọc Atlat trang 4-5 kết hợp với trang 29)

- Vị trí địa lý:

**2-Các thế mạnh và hạn chế chủ yếu:**

 **a-Thế mạnh: ( Atlat 9, 10, 11, 20, 29 )**

-Đất: đất phù sa nhưng tính chất phức tạp, có 3 nhóm đất chính:

 +Đất phù sa ngọt ven sông Tiền, sông Hậu 1,2 triệu ha chiếm 30% diện tích đồng bằng, màu mỡ nhất.

 +Đất phèn có diện tích lớn nhất 1,6 triệu ha,chiếm 41%diện tích đồng bằng, phân bố ở Đồng Tháp Mười,Hà Tiên và vùng trũng Cà Mau.

 +Đất mặn: 75 vạn ha, chiếm 19% diện tích đồng bằng, phân bố thành vành đai ven biển Đông và vịnh Thái Lan

 +Các loại đất khác: 40 vạn ha, chiếm 10% diện tích đồng bằng, phân bố rải rác

-Khí hậu có tính chất cận xích đạo,chế độ nhiệt cao ổn định, nhiệt độ trung bình năm 25-270c,tổng số giờ nắng trung bình năm 2200-2700 giờ, lượng mưa lớn 1300-2000 mm/năm, tập trung từ tháng V đến tháng XI

-Mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc, cắt thuận lợi cho giao thông đường thủy, sản xuất và sinh hoạt….

-Sinh vật:

 +Thực vật chủ yếu là rừng ngập mặn (Cà Mau, Bạc Liêu…) và rừng tràm (Kiên Giang, Đồng Tháp…)

 +Động vật có giá trị là cá và chim

 +Tài nguyên biển: phong phú với hàng trăm bãi cá, bãi tôm và hơn nửa triệu ha mặt nước nuôi thủy sản.

-Khoáng sản: chủ yếu là đá vôi (Hà Tiên, Kiên Lương) và than bùn (U Minh, tứ giác Long Xuyên ),dầu khí ở thềm lục địa

 **b-Hạn chế:**

-Mùa khô kéo dài từ tháng XII đến tháng IV năm sau, nước mặn xâm nhập sâu vào trong đất liền làm tăng độ chua và chua mặn trong đất

-Đất phèn, đất mặn chiếm phần lớn diện tích (60%) và thiếu nước vào mùa khô khó khăn cho việc sử dụng và cải tạo đất

-Đất thiếu dinh dưỡng,đặc biệt là thiếu nguyên tố vi lượng hoặc đất quá chặt, khó thoát nước.

-Các thiên tai khác.

-Tài nguyên khoáng sản hạn chế, gây trở ngại cho việc phát triển kinh tế-xã hội của đồng bằng

**3-Sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long:**

-Nước ngọt là vấn đề quan trọng hàng đầu vào mùa khô,diện tích đất phèn đất mặn lớn cần xây dựng hệ thống thủy lợi để thau chua, rửa mặn trong mùa khô kết hợp với việc tạo ra những giống lúa chịu phèn, chịu mặn

-Diện tích rừng bị giảm sút do khai hoang mở rộng diện tích và cháy rừng cần duy trì và bảo vệ rừng nhằm đảm bảo cân bằng sinh thái

-Chuyển đổi cơ cấu kinh tế,đẩy mạnh trồng cây công nghiệp, cây ăn quả kết hợp với nuôi trồng thủy sản và công nghiệp chế biến

-Vùng biển: kết hợp mặt biển với đảo, quần đảo và đất liền tạo thế kinh tế liên hoàn

-Chung sống với lũ với sự hổ trợ của Nhà Nước và khai thác nguồn lợi về kinh tế do lũ mang lại

**VIII. VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ-AN NINH-QUỐC PHÒNG Ở BIỂN ĐÔNG VÀ CÁC ĐẢO-QUẦN ĐẢO**

**1-Vùng biển và thềm lục địa của nước ta giàu tài nguyên:**

**a-Nước ta có vùng biển rộng lớn: đã học ở chủ đề I**

**b-Nước ta có điều kiện phát triển tổng hợp kinh tế biển:**

-Nguồn lợi sinh vật biển:

 +Biển có độ sâu trung bình, là biển nhiệt đới ấm,nhiều ánh sáng, giàu ô xi, độ muối trung bình (30-33‰)

 +Sinh vật biển phong phú, giàu thành phần loài,nhiều loài có giá trị kinh tế cao, 1 số loài quý hiếm cần bảo vệ,nhiều đặc sản: đồi mồi, vích, hải sâm, bào ngư…Trên các đảo đá ven bờ Nam Trung Bộ nhiều chim yến, tổ yến (yến sào) là mặt hàng xuất khẩu giá trị cao.

-Tài nguyên khóng sản, dầu mỏ, khí tự nhiên:

+Biển là nguồn muối vô tận, dọc bờ biển nhiều vùng có điều kiện sản xuất muối,cung cấp 900 nghìn tấn muối/ năm.

 +Nhiều sa khoáng với trữ lượng công nghiệp:mỏ sa khoáng ôxit titan có giá trị xuất khẩu.

 +Cát trắng ở các đảo thuộc Quảng Ninh, Khánh Hòa là nguyên liệu làm thủy tinh,pha lê.

 +Vùng thềm lục địa tích tụ dầu khí: bể trầm tích Cửu Long,Nam Côn Sơn,Thổ Chu-Ma lai

-Phát triển giao thông vận tải biển: nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế trên biển Đông, dọc bờ biển có nhiều vụng biển kín thuận lợi xây dựng các cảng nước nước sâu, nhiều cửa sông thuận lợi xây dựng cảng

-Phát triển du lịch biển-đảo: Từ Bắc vào Nam có nhiều bãi tắm rộng, đẹp, thuận lợi phát triển du lịch an dưỡng, du lịch thể thao…

**2-Các đảo và quần đảo có ý nghĩa chiến lược trong phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh vùng biển:**

 **a-Thuộc vùng biển nước ta có hơn 4000 hòn đảo lớn nhỏ:**

-Các đảo và quần đảo là hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền, là hệ thống căn cứ để nước ta tiến ra biển và đại dương khai thác có hiệu quả các nguồn lợi vùng biển, hải đảo và thềm lục địa.

-Việc khẳng định chủ quyền của nước ta đối với các đảo và quần đảo chính là cơ sở để khẳng định chủ quyền của nước ta đối với vùng biển và thềm lục địa chung quanh đảo.

 **b-Các huyện đảo ở nước ta: Đến năm 2006, nước ta có các huyện đảo:**

- Huyện đảo Vân Đồn và huyện đảo Cô Tô (Quảng Ninh).

- Huyện đảo Cát Hải và huyện đảo Bạch Long Vĩ ( Hải Phòng)

- Huyện đảo Cồn Cỏ (Quảng Trị )

- Huyện đảo Hoàng Sa (Đà Nẵng)

- Huyện đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi)

- Huyện đảo Trường Sa (Khánh Hòa)

- Huyện đảo Phú Quý (Bình Thuận)

- Huyện đảo Côn Đảo (Bà Rịa- Vũng Tàu)

- Huyện đảo Kiên Hải và huyện đảo Phú Quốc (Kiên Giang)

**3-Khai thác tổng hợp các tài nguyên vùng biển và hải đảo:**

**a. Tại sao phải khai thác tổng hợp**

-Hoạt động kinh tế biển rất đa dạng: đánh bắt và nuôi trồng hải sản, khai thác đặc sản, khai thác khoáng sản trong nước biển và trong lòng đất, du lịch biển và giao thông vận tải biển, chỉ khai thác tổng hợp mới đem lại hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường.

-Môi trường biển không thể bị chia cắt được vì vậy 1 vùng biển bị ô nhiễm sẽ gây thiệt hại cho cả vùng bờ biển,các vùng nước và đảo xung quanh.

-Môi trường đảo, do sự biệt lập và diện tích nhỏ nên nhạy cảm trước tác động của con người, nếu khai thác mà không bảo vệ môi trường sẽ biến thành hoang đảo.

 **b-Tại sao phải phát triển kinh tế-xã hội ở các huyện đảo**

-Các huyện đảo nước ta giàu tiềm năng có thể phát triển nhiều hoạt động kinh tế biển như khai thác nuôi trồng hải sản,khai thác dầu khí,giao thông vận tải biển, du lịch biển-đảo.

-Các huyện đảo là bộ phận lãnh thổ của nước ta không thể chia cắt được.

-Việc phát triển kinh tế ở các huyện đảo sẽ dần dần xóa bỏ sự chênh lệch về trình độ phát triển mọi mặt giữa hải đảo và đất liền.Việc phát huy thế mạnh sẽ nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, đảm bảo sự bình đẳng trong sự phát triển kinh tế-xã hội trên toàn quốc.

-Các đảo và quần đảo tạo thành hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền, là cơ sở để nước ta tiến ra biển và đại dương khai thác hiệu quả các nguồn lợi vùng biển, hải đảo và thềm lục địa.

**c-Các ngành kinh tế biển nước ta phát triển như thế nào?**

**-Khai thác tài nguyên sinh vật biển và hải đảo:**

 +Trong quá trình phát triển cần tránh khai thác quá mức nguồn lợi ven bờ và các đối tượng đánh bắt có giá trị kinh tế cao, cấm sử dụng các phương tiện đánh bắt có tính chất hủy diệt nguồn lợi.

 +Phát triển đánh bắt xa bờ giúp khai thác tốt hơn nguồn lợi hải sản, giúp bảo vệ vùng trời, vùng biển và thềm lục địa của nước ta.

**-Khai thác tài nguyên khoáng sản:**

 +Nghề làm muối là nghề truyền thống phát triển mạnh ở nhiều địa phương nhất là ở Duyên Hải Nam Trung Bộ, nay sản xuất muối công nghiệp có năng suất cao.

 +Đẩy mạnh thăm dò, khai thác dầu khí ở thềm lục địa và mở rộng liên doanh với nước ngoài.Trong tương lai phát triển công nghiệp lọc dầu, hóa dầu nâng cao hiệu quả kinh tế của ngành công nghiệp dầu khí

 +Việc khai thác khí thiên nhiên làm khí hóa lỏng, làm phân bón, sản xuất điện tua bin khí

 +Cần chú ý bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác, vận chuyển và chế biến dầu

**-Phát triển mạnh du lịch biển:** nhiều trung tâm du lịch biển được nâng cấp như khu du lịch Hạ Long-Cát Bà-Đồ Sơn (Quảng Ninh-Hải Phòng), Nha Trang (Khánh Hòa),Vũng Tàu (Bà Rịa-Vũng Tàu)

**-Giao thông vận tải biển:**

 +Nền kinh tế mở tạo điều kiện GTVT biển phát triển nhanh,cảng hàng hóa được cải tạo và nâng cấp như cụm cảng Sài Gòn,cụm cảng Hải Phòng, Quảng Ninh, Đà Nẵng.

 +Xây dựng cảng nước sâu như cảng Cai Lân (Quảng Ninh), Nghi Sơn (Thanh Hóa),Vũng Áng (Hà Tĩnh),Dung Quất (Quảng Ngãi), Thị Vải (Vũng Tàu)…

 +Vận tải hàng hóa, hành khách trên biển góp phần phát triển kinh tế biển-đảo

**4-Tăng cường hợp tác với các nước láng giềng trong giải quyết các vấn đề về biển và thềm lục địa:**

-Biển Đông là biển chung giữa Việt Nam và nhiều nước láng giềng, tăng cường đối thoại, hợp tác với các nước láng giềng trong giải quyết các vấn đề về biển và thềm lục địa là nhân tố tạo ra sự phát triển ổ định trong khu vực, bảo vệ lợi ích chính đáng và giữ vững chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ nước ta.